

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA RÌ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn Thâm

2. Bà Nông Thị Giáp

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Huyền Trang; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Vĩnh Thụy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nông Văn X, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Nà Pì, xã Liêm Thủy, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn

2. *Bị đơn:* Chị Nông Thị T, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 9 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nông Văn X trình bày:

* Về hôn nhân: Anh X và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã L nay là xã S vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng anh X sống cùng mẹ anh X tại thôn N, xã L. Quá trình chúng sống thời gian đầu hoà thuận, hạnh phúc. Đến năm 2020, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi cọ, xích mích với nhau. Nguyên nhân là do chị T không tôn trọng mẹ chồng, thường xuyên cãi nhau với mẹ chồng. Không chăm lo làm ăn, không cùng chồng gánh vác, chăm lo việc gia đình. Mặc dù, anh X đã nhiều lần nói chuyện, khuyên nhủ chị T nhưng chị T vẫn không thay đổi. Từ khi anh X nộp đơn xin ly hôn, vợ chồng anh đã sống ly

thân, mỗi người đi làm một công ty khác nhau, việc ai người ấy làm không quan tâm gì đến nhau. Anh X thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nông Việt N, sinh ngày 29/8/2016. Hiện nay con chung đang sống cùng anh X. Ly hôn, anh X yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh X.

* Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 10 năm 2023 bị đơn chị Nông Thị T trình bày:

* Về hôn nhân: Vợ chồng chị T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã L nay là xã S vào năm 2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường với nhau. Đến năm 2017 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do anh X đi làm công ty và có quan hệ tình cảm với người khác, mỗi lần về nhà anh X đều lạnh nhạt với chị T, anh X đi làm nhưng không gửi tiền về cho chị để chị chăm lo cho gia đình, con cái. Nay anh X có đơn xin ly hôn với chị T, chị T nhất trí ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nông Việt N, sinh ngày 29/8/2016. Ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh X cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị là 1.000.000đ/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

* Về tài sản chung: Chị T yêu cầu được chia giá trị cây keo mà anh chị đã trồng trên diện tích đất mà mẹ anh X được quyền sử dụng.

* Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 11 năm 2023, chị T nhất trí ly hôn và nhất trí để anh X trực tiếp nuôi con chung.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 31 tháng 12 năm 2023, chị T không đề nghị giải quyết chia giá trị cây keo mà anh chị đã trồng.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, cụ thể là bị đơn không tham gia các hoạt động tố tụng theo các thông báo, triệu tập của Tòa án mà không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh

Nông Văn X được ly hôn với chị Nông Thị T. Giao 01 con chung là Nông Việt N, sinh ngày 29/8/2016 cho anh X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh X không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nông Văn X có đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với bị đơn chị Nông Thị T. Bị đơn chị Nông Thị T cư trú tại thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Nguyên đơn anh Nông Văn X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh X, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn chị Nông Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tiến hành hoà giải vụ án.

Bị đơn chị Nông Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Do các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà, nên Tòa án căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh X và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L nay là xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 23/4/2015. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh X và chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Nông Văn X: Anh X và chị T đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi cọ, xích mích với nhau mặc dù nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của anh X với chị T trình bày là khác nhau. Khoảng thời gian từ lúc anh X nộp đơn cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, người nào chỉ biết bôn phận người đó. Anh X xin ly hôn, chị T cũng nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy hôn nhân giữa anh X và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh X.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nông Việt N, sinh ngày 29/8/2016. Hiện nay con chung đang sống với anh X tại thôn N, xã L.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh X thấy: Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay con chung vẫn ở cùng anh X, được chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Anh X có chỗ ở, công việc với thu nhập ổn định hàng tháng từ 9.000.000đ đến 11.000.000đ. Ngoài ra, mẹ anh X là bà Hứa Thị N1 cũng nhất trí hỗ trợ anh X việc chăm sóc, nuôi dưỡng con mỗi khi anh đi làm xa nhà. Việc giao con cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nông Việt N và ý kiến của chị T. Do vậy, giao con chung cho anh X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến năm con chung đủ 18 tuổi là phù hợp và có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh X và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh X và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nông Văn X phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của anh Nông Văn X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn X được ly hôn với chị Nông Thị T.

2. Về con chung:

Giao con chung Nông Việt N, sinh ngày 29/8/2016 cho anh Nông Văn X được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Nông Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Anh Nông Văn X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà anh X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000553 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn có quyền kháng cáo bản

án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- THA dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Võ Thanh Bình

